

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng B - Sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bi đơn: Bà Cao Thị L - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hùng B và bà Cao Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Về hôn nhân:** Ông Nguyễn Hùng B và bà Cao Thị L thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hùng B và bà Cao Thị L thống nhất có 02 con chung là :

Nguyễn Cao C - Sinh ngày 22/10/2007.

Nguyễn Cao S - Sinh ngày 12/9/2016.

Hai bên thỏa thuận: Ông B trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Cao S, bà L trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Cao C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Ông B, bà L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Ông Nguyễn Hùng B và bà Cao Thị L thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hùng B và bà Cao Thị L thống nhất: Ông B phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, tuy nhiên ông B là người trên 60 tuổi nên miễn án phí cho ông B. Ông B được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0006435 ngày 29/9/2020.

Bà L phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Thi hành án (để thi hành);
- UBND xã T, huyện N;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh;
- Lưu Hồ sơ.

Thẩm phán

Lê Đình Huy